



SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 12800
	Giờ: Ngày 11 tháng 4 năm 13.

Ngày 10 tháng 4 năm 2013

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh
16 Võ Văn Kiệt, Phường Nguyễn Thái Bình,
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Đồng kính gửi: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín

V/v: Xác nhận của công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam liên quan đến việc giải trình của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín theo yêu cầu của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Theo yêu cầu tại Công văn 470/2013/SGDHCN-NY ngày 3 tháng 4 năm 2013 của Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM gửi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Ngân hàng") và Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam ("PwC") về việc giải trình liên quan đến các nội dung cần lưu ý trong báo cáo kiểm toán phát hành cho báo cáo tài chính năm 2012 của Ngân hàng, PwC là công ty đã thực hiện kiểm toán độc lập các báo cáo tài chính năm 2012 của Ngân hàng có giải trình liên quan đến các nội dung cần lưu ý trong báo cáo kiểm toán phát hành cho báo cáo tài chính năm 2012 của Ngân hàng mà Ngân hàng đã giải trình trong Mục 1, Công văn số 1027/2013/CV-KT ngày 1 tháng 4 năm 2013 gửi Sở giao dịch Chứng khoán TP. HCM như sau:

1. Nội dung cần lưu ý 1:

"Như trình bày tại Thuyết minh 13.1(ii)(a) của các báo cáo tài chính riêng, Ngân hàng đã ký một thỏa thuận với Ông Đặng Văn Thành, nguyên Chủ tịch của Ngân hàng và Ông Đặng Hồng Anh, Phó Chủ tịch của Ngân hàng vào ngày 5 tháng 12 năm 2012. Theo thỏa thuận này, Ngân hàng đồng ý sử dụng khoản sở hữu vốn trong Ngân hàng tương đương 7,435% (79.842.647 cổ phiếu) của Ông Đặng Văn Thành và Ông Đặng Hồng Anh để cản trừ vào các khoản cho vay, đầu tư trái phiếu và phải thu khác với tổng giá trị thỏa thuận là 1.596.853 triệu đồng. Theo đó, các cổ phiếu này được phân loại là tài sản xiết nợ trong các báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Ngân hàng theo giá trị là 1.596.853 triệu đồng. Trong trường hợp này, Ngân hàng đã sử dụng cổ phiếu của chính Ngân hàng làm tài sản xiết nợ. Tuy nhiên, Ngân hàng đã thông báo tới Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo công văn số 778/CV-KT ngày 12 tháng 3 năm 2013 đồng thời đã thông báo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM về thỏa thuận cản trừ này."

Giải trình của PwC:

Thuyết minh 13.1(ii)(a) của các báo cáo tài chính riêng năm 2012 đã trình bày chi tiết thỏa thuận giữa Ngân hàng với Ông Đặng Văn Thành, nguyên Chủ tịch của Ngân hàng và Ông Đặng Hồng Anh, Phó Chủ tịch của Ngân hàng và việc thực hiện thỏa thuận này. Kết quả của việc thực hiện thỏa thuận này, Ngân hàng đã tất toán các khoản cho vay, đầu tư trái phiếu và phải thu khác liên quan đến Ông Đặng Văn Thành với tổng giá trị thỏa thuận là 1.596.853 triệu đồng. Theo đó, Ngân hàng đã ghi nhận toàn bộ 79.842.647 cổ phiếu của Ngân hàng, tương đương 7,435% vốn điều lệ của Ngân hàng của Ông Đặng Văn Thành và Ông Đặng Hồng Anh vào mục tài sản cần trừ nợ trong phần tài sản khác của các báo cáo tài chính năm 2012 của Ngân hàng. Như vậy, Ngân hàng đã sử dụng cổ phiếu của chính Ngân hàng làm tài sản cần trừ nợ trong trường hợp này.

Chúng tôi hiểu rằng việc cần trừ cổ phiếu của nguyên chủ tịch Ngân hàng cũng như việc bán các cổ phiếu này phải được báo cáo cho các cơ quan có thẩm quyền cũng như thông báo ra công chúng. Tuy nhiên, chúng tôi được Ngân hàng thông báo là Ngân hàng đã báo cáo với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Công văn số 778/CV-KT ngày 12 tháng 3 năm 2013 đồng thời đã thông báo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP.HCM về thỏa thuận cần trừ này.

Dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi cũng như đánh giá mức độ ảnh hưởng của thỏa thuận này đối với các báo cáo tài chính năm 2012 của Ngân hàng xét cả về phương diện tính chất cũng như định lượng, chúng tôi đã nêu vấn đề này là vấn đề cần lưu ý trong báo cáo kiểm toán do chúng tôi phát hành ngày 1 tháng 4 năm 2013.

2. Nội dung cần lưu ý 2:

"Như trình bày tại Thuyết minh 8.3 của các báo cáo tài chính riêng, trong năm 2012, Ngân hàng đã cho một số công ty vay các khoản có giá trị lớn có thời hạn vay ngắn hạn là một năm nhằm mục đích dài hạn là tái tài trợ các dự án bất động sản. Tổng giá trị của các khoản cho vay này tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2012 tương ứng là 7.954.894 triệu đồng và 9.019.894 triệu đồng. Tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2012, các khoản cho vay này vẫn còn trong hạn và được phân loại trong Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn. Dựa trên kết quả rà soát của chúng tôi, việc cấp các khoản cho vay này chưa phù hợp với Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 về quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 xét trên khía cạnh điều kiện cho vay, thẩm định và quyết định cho vay, và kiểm tra việc sử dụng vốn vay."

Giải trình của PwC:

Đây là các khoản cho vay một số công ty có thời hạn vay ngắn hạn là một năm nhằm mục đích dài hạn là tái tài trợ các dự án bất động sản. Tổng giá trị của các khoản cho vay này tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2012 tương ứng là 7.954.894 triệu đồng và 9.019.894 triệu đồng. Tại ngày 30 tháng 11 năm 2012 và 31 tháng 12 năm 2012, các khoản cho vay này vẫn còn trong hạn và được phân loại trong Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn. Chi tiết tài sản đảm bảo cho các khoản vay này được tóm tắt như sau:

	Triệu đồng
Quyền sử dụng đất và các chi phí đầu tư liên quan đến các dự án bất động sản	7.681.676
Cổ phiếu chưa niêm yết	976.346

Dựa trên kết quả rà soát của chúng tôi, việc cấp các khoản cho vay này chưa phù hợp với Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 về quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng và Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 xét trên khía cạnh điều kiện cho vay, thẩm định và quyết định cho vay, và kiểm tra việc sử dụng vốn vay. Cụ thể như sau:

- Quy định về điều kiện cho vay, khoản 4 điều 7 của Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 như sau: "Có dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khả thi và có hiệu quả; hoặc có dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống khả thi và phù hợp với quy định của pháp luật."
- Quy định về thẩm định và quyết định cho vay tại khoản 2 điều 15 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 như sau: "Tổ chức tín dụng xem xét, đánh giá tính khả thi, hiệu quả của dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc dự án đầu tư, phương án phục vụ đời sống và khả năng hoàn trả nợ vay của khách hàng để quyết định cho vay."
- Quy định về xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng khoản vay tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng và Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN như sau:
 1. Tổ chức tín dụng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng.
 2. Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng.
 3. Tổ chức tín dụng có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích vay vốn.

Mặc dù các khoản cho vay nói trên vẫn còn trong hạn, tuy nhiên việc cấp các khoản cho vay này chưa tuân thủ theo các qui định cụ thể nói trên của Ngân hàng Nhà nước nên có rủi ro đối với việc thu hồi các khoản cho vay này. Do vậy, chúng tôi đã nêu lưu ý vấn đề này trong báo cáo kiểm toán do chúng tôi phát hành ngày 1 tháng 4 năm 2013.

3. Nội dung cần lưu ý 3:

"Như trình bày tại Thuyết minh 13.1(iii) của báo cáo tài chính riêng, trong năm 2012, Ngân hàng đã ký thỏa thuận với một số cá nhân để mua và bán lại cổ phiếu. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư liên quan đến các giao dịch này đã giảm xuống còn 222.009 triệu đồng so với thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 757.264 triệu đồng. Đây là một hoạt động kinh doanh mới có giá trị trọng yếu của Ngân hàng và Ngân hàng đã tự xây dựng chính sách kế toán của mình và áp dụng cho các hoạt động kinh doanh này như trình bày trong Thuyết minh 2.17. Tuy nhiên, Ngân hàng đã dừng không ký kết thỏa thuận mới nào liên quan đến hoạt động kinh doanh này kể từ tháng 9 năm 2012."

Giải trình của PwC:

Trong tháng 6, tháng 7 và tháng 8 năm 2012, Ngân hàng đã ký một số thỏa thuận mua và bán lại cổ phiếu của Ngân hàng Cổ phần Việt Nam Thương Tín (50.000 triệu đồng), Ngân hàng Cổ phần Phương Nam (29.654 triệu đồng) và Ngân hàng Cổ phần Bưu điện Liên Việt (142.356 triệu đồng) với 4 cá nhân với thời hạn bán lại là 12 tháng từ ngày ký thỏa thuận. Theo các thỏa thuận này, trong thời gian thỏa thuận còn hiệu lực, nếu giá thị trường của các cổ phiếu này sụt giảm dẫn đến thấp hơn 75% giá thị trường được xác định tại thời điểm ký thỏa thuận, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu đối tác thực hiện 1 trong 3 yêu cầu sau đây:

- (i) Mua lại toàn bộ số chứng khoán đã bán trước hạn theo giá trị mua lại (giá do Ngân hàng bán lại) và kết thúc thỏa thuận, hoặc
- (ii) Ký quỹ bù sung với số tiền nộp bù sung bằng tỷ lệ % giảm của giá thị trường x tổng giá trị bán. Số tiền nộp bù sung này sẽ được nộp vào tài khoản của đối tác mở tại Ngân hàng. Hai bên sẽ ký biên bản bù sung với nội dung là số tiền nộp bù sung này sẽ do Ngân hàng phong tỏa và được Ngân hàng trả lãi suất không kỳ hạn. Việc giải tỏa chỉ thực hiện khi phía đối tác hoàn tất mọi nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng.
- (iii) Bán chứng khoán cho bên thứ ba để thu hồi vốn nhằm hạn chế thiệt hại cho hai bên do việc sụt giảm giá gây ra.

Do đây là một hoạt động kinh doanh mới với giá trị trọng yếu của Ngân hàng và tính đến cuối năm 2012, chưa có các hướng dẫn hạch toán từ các cơ quan quản lý, Ngân hàng đã xây dựng chính sách kế toán riêng để ghi nhận các hoạt động kinh doanh này trong Thuyết minh số 2.17 của các báo cáo tài chính riêng năm 2012. Theo đó, số tiền mà Ngân hàng chi ra để mua các chứng khoán này được ghi nợ trong tài sản khác và ghi có tài khoản chuyển tiền phải trả để chuyển cho đối tác. Dự phòng được xác định dựa trên Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tại ngày 31/12/2012, Ngân hàng đã trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này với giá trị là 23.726 triệu đồng.

Kể từ tháng 9 năm 2012, Ngân hàng không thực hiện các giao dịch mới.

Dựa trên việc đánh giá ảnh hưởng của các giao dịch này đối với các báo cáo tài chính năm 2012 của Ngân hàng, chúng tôi đã nêu lưu ý vấn đề này trong báo cáo kiểm toán do chúng tôi phát hành ngày 1 tháng 4 năm 2013.



Richard Peters
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)
TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam

